

育成就労の準備に関し本国で支払った費用の申告書

Tờ khai lệ phí đã chi trả trong nước cho việc chuẩn bị Lao động đào tạo

1 取次送出機関が徴収した費用の総額

Tổng số tiền lệ phí do cơ quan phái cử trung gian đã thu

合計金額（現地通貨）：（ ）

Tổng số tiền (tiền bản địa): ()

日本円換算額： (円)

Số tiền quy đổi sang Yên Nhật: (Yên)

(注意)

(Luru ý)

- 1 「合計金額」には、費用にかかわらず次頁①に記載する育成就労外国人を取り次ぐに当たり要した費用の合計金額を記載すること。

Tại mục "Tổng số tiền", bất kể là hạng mục lệ phí nào, phải ghi rõ tổng số tiền lệ phí cần thiết khi làm trung gian phải cử người lao động nước ngoài tham gia Lao động đào tạo được ghi tại mục ① ở trang tiếp theo.
- 2 「日本円換算額」を記載するに当たっては、本件申請年度に機構ホームページに掲載するレートを使用し換算した金額を記載すること。

Khi ghi vào mục "Số tiền quy đổi sang Yên Nhật", phải ghi số tiền đã quy đổi bằng cách sử dụng tỷ giá hối đoái được đăng tải trên trang web của Hiệp hội trong năm đăng ký xin tham gia chương trình này.
- 3 送出機関に支払った費用の実費が確認できるすべての領収書等を作成責任者が確認し、保管してください。

Người chịu trách nhiệm lập tờ khai phải kiểm tra và lưu giữ tất cả các hóa đơn, v.v. có thể xác nhận lệ phí thực tế đã trả cơ quan phải cử.
- 4 取次送出機関が徴収した費用の総額は、その費目を問わず、送出しの過程で次頁①に記載する育成就労外国人が送出機関に支払った一切の費用が対象となります。

Tổng số tiền lệ phí do Cơ quan phải cử trung gian đã thu sẽ bao gồm tất cả mọi khoản lệ phí mà người lao động nước ngoài tham gia Lao động đào tạo được nêu tại mục ① ở trang tiếp theo đã chi trả cho Cơ quan phải cử trong suốt quá trình phải cử, bất kể hạng mục lệ phí đó là gì.

2 外国の準備機関が徴収した費用の名目及び額

Danh mục các loại lệ phí và số tiền do Cơ quan chuẩn bị của nước ngoài đã thu

	徴収した機関の名称（送出における役割） Tên cơ quan đã thu lệ phí (Vai trò trong việc phái cử)	徴収年月日 Ngày tháng năm thu phí	現地通貨合計金額 Tổng số tiền bằng tiền bản địa （日本円換算額） （Số tiền quy đổi sang Yên Nhật）
1	()	年 月 日 Ngày tháng năm	() () Yên)

2	()	年 月 日 Ngày tháng năm	() () Yên)
3	()	年 月 日 Ngày tháng năm	() () Yên)
4	()	年 月 日 Ngày tháng năm	() () Yên)
5	()	年 月 日 Ngày tháng năm	() () Yên)

(注意)

(Lưu ý)

- 1 外国の準備機関には、育成就労外国人の本国での勤務先、入国前講習を実施する機関など育成就労の準備に関与する一切の機関が含まれる。

Cơ quan chuẩn bị của nước ngoài gồm tất cả những cơ quan tham gia vào việc chuẩn bị Lao động đào tạo, như nơi làm việc tại quốc gia của người lao động nước ngoài tham gia Lao động đào tạo hay cơ quan thực hiện đào tạo trước khi nhập cảnh.

- 2 徴収した機関の名称の欄については、名称のほか、括弧書きで育成就労外国人の送出に当たり果たした役割を記載すること。

Đối với cột Tên cơ quan đã thu lệ phí, ngoài tên gọi thì cần ghi vai trò thực hiện khi phái cử người lao động nước ngoài tham gia Lao động đào tạo ở trong ngoặc.

- 3 「合計金額」には、外国の準備機関が費目にかかわらず外国次頁①に記載する育成就労外国人から徴収した費用の合計金額を記載すること。

Tại mục "Tổng số tiền", bất kể là hạng mục lệ phí nào, phải ghi rõ tổng số tiền lệ phí mà cơ quan chuẩn bị của nước ngoài đã thu từ người lao động nước ngoài tham gia Lao động đào tạo được ghi tại mục ① của trang tiếp theo.

- 4 「日本円換算額」を記載するに当たっては、本件申請年度に機構ホームページに掲載するレートを使用し換算した金額を記載すること。

Khi ghi vào mục "Số tiền quy đổi sang Yên Nhật", phải ghi số tiền đã quy đổi bằng cách sử dụng tỷ giá hối đoái được đăng tải trên trang web của Hiệp hội trong năm đăng ký xin tham gia chương trình này.

○ 取次送出機関は、次に記載する事項について誓約します。

Cơ quan phái cử trung gian cam kết các điều được nêu sau đây.

- ・ 1に記載の金額を徴収するに当たっては、外国法その他取決め等において定められた方法及び金額であることを理解し、その範囲を逸脱していません。

Khi thu số tiền được ghi tại mục 1, hiểu rằng đây là phương thức và số tiền được quy định theo pháp luật nước ngoài hoặc các thỏa thuận khác, và không vượt ra ngoài phạm vi đó.

- ・ 1に記載の金額は、育成就労計画に記載された報酬の月額2か月分を超えてはならないことを理解しており、その金額を超えた徴収をしていません。

Hiểu rằng số tiền ghi tại mục 1 không được vượt quá số tiền bằng 2 tháng lương được ghi trong Kế hoạch Lao động Đào tạo, và không thu vượt quá số tiền đó.

- ・ 1の徴収費用について育成就労外国人に十分に理解させるとともに、送出に関与した他の機関が当該外国人から2に記載の金額の費用を徴収したことを把握しました。また、1及び2に記載の費用以外の費用について、当該外国人から徴収されていないことを確認しました。

Cùng với việc làm cho Người lao động nước ngoài tham gia Lao động đào tạo hiểu rõ về việc thu lệ phí ở mục 1, đã nắm rõ việc các cơ quan khác tham gia thực hiện phái cử đã thu từ người lao động nước ngoài nêu trên khoản tiền lệ phí ghi ở mục 2. Ngoài ra, đã xác nhận rằng người lao động nước ngoài đó không bị thu các loại lệ phí khác ngoài các lệ phí ghi ở mục 1 và mục 2.

